



PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM



International
Labour
Organization



Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp

Sổ tay dành cho
Người sử dụng Lao động

Hà Nội, tháng 12, 2013

- 1 Hợp đồng Lao động
- 2 Đối thoại tại nơi làm việc, Thương lượng tập thể, Thỏa ước lao động tập thể, Hội đồng Tiền lương Quốc gia, Tranh chấp lao động
- 3 Lương, thưởng và các chi phí khác
- 4 Thời giờ làm việc, Thời giờ nghỉ ngơi
- 5 Kỷ luật Lao động
- 6 An toàn vệ sinh Lao động
- 7 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp
- 8 Công đoàn

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

Địa chỉ: 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3574 2108. Fax: (84.4) 3577 1329

7

Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp

Sổ tay dành cho Người sử dụng Lao động

Hà Nội, tháng 12, 2013

I. Những vấn đề chung

1. Định nghĩa về Bảo hiểm xã hội:

- Bảo hiểm xã hội là sự bảo đảm thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập của NLĐ khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, thất nghiệp, hết tuổi lao động hoặc chết, trên cơ sở đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội.
- Bảo hiểm xã hội bắt buộc là loại hình bảo hiểm xã hội mà NLĐ và người sử dụng lao động bắt buộc phải tham gia.
- Bảo hiểm xã hội tự nguyện là loại hình Bảo hiểm xã hội mà NLĐ tự nguyện tham gia, được lựa chọn mức đóng và phương thức đóng phù hợp với thu nhập của mình để hưởng Bảo hiểm xã hội.

Luật Bảo hiểm xã hội, Điều 3

2. Nguyên tắc của Bảo hiểm xã hội:

- Mức hưởng Bảo hiểm xã hội được tính trên cơ sở mức đóng, thời gian đóng Bảo hiểm xã hội và chia sẻ giữa những người tham gia Bảo hiểm xã hội.
- Mức đóng Bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội thất nghiệp được tính trên cơ sở tiền lương, tiền công của NLĐ. Mức đóng Bảo hiểm xã hội tự nguyện được tính trên cơ sở mức thu nhập do NLĐ lựa chọn nhưng mức thu nhập này không thấp hơn mức lương tối thiểu chung.

Luật Bảo hiểm xã hội, Điều 5

4 BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP

- NLĐ vừa có thời gian đóng Bảo hiểm xã hội bắt buộc vừa có thời gian đóng Bảo hiểm xã hội tự nguyện được hưởng chế độ hưu trí và chế độ tử tuất trên cơ sở thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội.
- Quỹ Bảo hiểm xã hội được quản lý thống nhất dân chủ, công khai, minh bạch, được sử dụng đúng mục đích, được hạch toán độc lập theo các quỹ thành phần của Bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện và bảo hiểm thất nghiệp.
- Việc thực hiện Bảo hiểm xã hội phải đơn giản, dễ dàng, thuận tiện, bảo đảm kịp thời và đầy đủ quyền lợi của người tham gia Bảo hiểm xã hội.

3. Định nghĩa về người thất nghiệp:

- Người thất nghiệp là người đang đóng bảo hiểm thất nghiệp mà bị mất việc làm hoặc chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc nhưng chưa tìm được việc làm.

Luật Bảo hiểm xã hội, Điều 3

4. Thời gian đóng bảo hiểm xã hội:

- Thời gian đóng Bảo hiểm xã hội là thời gian được tính từ khi NLĐ bắt đầu đóng Bảo hiểm xã hội cho đến khi dừng đóng. Trường hợp NLĐ đóng Bảo hiểm xã hội không liên tục thì thời gian đóng Bảo hiểm xã hội là tổng thời gian đã đóng Bảo hiểm xã hội (đối với cả Bảo hiểm xã hội bắt buộc và Bảo hiểm xã hội tự nguyện).

Luật Bảo hiểm xã hội, Điều 3

5. Quyền của NLĐ khi tham gia Bảo hiểm xã hội:

- Được cấp sổ Bảo hiểm xã hội;
- Nhận sổ Bảo hiểm xã hội khi không còn làm việc;
- Nhận lương hưu và trợ cấp Bảo hiểm xã hội đầy đủ, kịp thời;
- Hưởng bảo hiểm y tế trong các trường hợp sau đây:
 - + Đang hưởng lương hưu;
 - + Nghỉ việc hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hằng tháng;
 - + Đang hưởng trợ cấp thất nghiệp.
- Ủy quyền cho người khác nhận lương hưu, trợ cấp Bảo hiểm xã hội;
- Yêu cầu NSDLĐ cung cấp thông tin về việc đóng Bảo hiểm xã hội; yêu cầu tổ chức Bảo hiểm xã hội cung cấp thông tin về việc đóng, quyền được hưởng chế độ, thủ tục thực hiện Bảo hiểm xã hội;
- Khiếu nại, tố cáo về Bảo hiểm xã hội;
- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

*Luật Bảo hiểm xã hội,
Điều 15*

6. Trách nhiệm của NLĐ khi tham gia BHXH:

- Đóng Bảo hiểm xã hội theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội;
- Thực hiện quy định về việc lập hồ sơ bảo hiểm xã hội;

*Luật Bảo hiểm xã hội,
Điều 16*

- Bảo quản sổ bảo hiểm xã hội theo đúng quy định;
- Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.
- Ngoài ra NLĐ tham gia bảo hiểm thất nghiệp còn có các trách nhiệm sau đây:
 - + Đăng ký thất nghiệp với tổ chức Bảo hiểm xã hội;
 - + Thông báo hằng tháng với tổ chức Bảo hiểm xã hội về việc tìm kiếm việc làm trong thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp;
 - + Nhận việc làm hoặc tham gia khoá học nghề phù hợp khi tổ chức Bảo hiểm xã hội giới thiệu.

7. Quyền của người sử dụng lao động khi tham gia bảo hiểm xã hội:

- Từ chối thực hiện những yêu cầu không đúng quy định của pháp luật về Bảo hiểm xã hội;
- Khiếu nại, tố cáo về Bảo hiểm xã hội ;
- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

*Luật Bảo hiểm xã hội,
Điều 17*

8. Trách nhiệm của người sử dụng lao động khi tham gia bảo hiểm xã hội:

- Đóng Bảo hiểm xã hội theo quy định;
Bảo quản sổ Bảo hiểm xã hội của NLĐ trong thời gian NLĐ làm việc;
- Trả sổ Bảo hiểm xã hội cho NLĐ khi người đó không còn làm việc;

*Luật Bảo hiểm xã hội,
Điều 18*

- Lập hồ sơ để NLĐ được cấp sổ, đóng và hưởng Bảo hiểm xã hội;
- Trả trợ cấp Bảo hiểm xã hội cho NLĐ;
- Giới thiệu NLĐ đi giám định mức suy giảm khả năng lao động tại Hội đồng Giám định y khoa theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội;
- Cung cấp tài liệu, thông tin liên quan theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- Cung cấp thông tin về việc đóng Bảo hiểm xã hội của NLĐ khi NLĐ hoặc tổ chức công đoàn yêu cầu;
- Đóng bảo hiểm thất nghiệp theo quy định;
- Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Luật Bảo hiểm xã hội, Điều 17

9. Quyền của tổ chức bảo hiểm xã hội:

- Tổ chức quản lý nhân sự, tài chính và tài sản theo quy định của pháp luật;
- Từ chối yêu cầu trả Bảo hiểm xã hội không đúng quy định;
- Khiếu nại về Bảo hiểm xã hội;
Kiểm tra việc đóng Bảo hiểm xã hội và trả các chế độ Bảo hiểm xã hội;
- Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xây dựng, sửa đổi, bổ sung chế độ, chính sách, pháp luật về Bảo hiểm xã hội và quản lý quỹ Bảo hiểm xã hội;

- Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật về Bảo hiểm xã hội;
- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

10. Trách nhiệm của tổ chức bảo hiểm xã hội:

- Tuyên truyền, phổ biến chế độ, chính sách, pháp luật về Bảo hiểm xã hội; hướng dẫn thủ tục thực hiện chế độ Bảo hiểm xã hội đối với NLĐ, NSDLĐ thuộc đối tượng tham gia Bảo hiểm xã hội;
- Thực hiện việc thu Bảo hiểm xã hội theo quy định của Luật này;
- Tiếp nhận hồ sơ, giải quyết chế độ Bảo hiểm xã hội; thực hiện việc trả lương hưu, trợ cấp Bảo hiểm xã hội đầy đủ, thuận tiện và đúng thời hạn;
- Cấp sổ Bảo hiểm xã hội đến từng NLĐ;
- Quản lý, sử dụng quỹ Bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật;
- Thực hiện các biện pháp bảo toàn và tăng trưởng quỹ Bảo hiểm xã hội;
- Tổ chức thực hiện công tác thống kê, kế toán, hướng dẫn nghiệp vụ về Bảo hiểm xã hội;
- Giới thiệu NLĐ đi giám định mức suy giảm khả năng lao động tại Hội đồng Giám định y khoa theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội;

*Luật Bảo hiểm xã hội,
Điều 20*

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý Bảo hiểm xã hội; lưu trữ hồ sơ của người tham gia Bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật;
- Định kỳ sáu tháng, báo cáo Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội về tình hình thực hiện Bảo hiểm xã hội. Hằng năm, báo cáo Chính phủ và cơ quan quản lý nhà nước về tình hình quản lý và sử dụng quỹ Bảo hiểm xã hội;
- Cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin về việc đóng, quyền được hưởng chế độ, thủ tục thực hiện Bảo hiểm xã hội khi NLĐ hoặc tổ chức công đoàn yêu cầu;
- Cung cấp tài liệu, thông tin liên quan theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- Giải quyết kịp thời khiếu nại, tố cáo về việc thực hiện Bảo hiểm xã hội;
- Thực hiện hợp tác quốc tế về Bảo hiểm xã hội;
- Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

11. Phân biệt giữa Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thương mại:

Sự giống nhau:

- Điều được thực hiện trên cùng một nguyên tắc là: có tham gia đóng góp bảo hiểm thì

mới được hưởng quyền lợi, không đóng góp thì không được đòi hỏi quyền lợi.

- Hoạt động của hai loại bảo hiểm này đều nhằm để bù đắp tài chính cho các đối tượng tham gia bảo hiểm khi họ gặp phải những rủi ro gây ra thiệt hại trong khuôn khổ bảo hiểm đang tham gia.
- Phương thức hoạt động của hai loại hình bảo hiểm này đều mang tính “cộng đồng - lấy số đông bù số ít” tức là dùng số tiền đóng góp của số đông người tham gia để bù đắp, chia sẻ cho một số ít người gặp phải biến cố rủi ro gây ra tổn thất.

Sự khác nhau:

- Mục tiêu hoạt động của bảo hiểm thương mại là lợi nhuận. Mục tiêu hoạt động bảo hiểm xã hội là nhằm thực hiện chính sách xã hội của Nhà nước, góp phần ổn định đời sống cho NLĐ và các thành viên trong gia đình họ. Vì vậy hoạt động Bảo hiểm xã hội là hoạt động phi lợi nhuận và nhằm mục đích an sinh xã hội.
- Phạm vi hoạt động của Bảo hiểm xã hội liên quan trực tiếp đến NLĐ và các thành viên trong gia đình họ và chỉ diễn ra trong từng quốc gia. Hoạt động bảo hiểm thương mại rộng hơn, không chỉ diễn ra trong từng quốc gia mà còn trải rộng xuyên quốc gia, có mặt ở tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội bao gồm cả bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm phi nhân thọ.

Luật Bảo hiểm xã hội

*Luật kinh doanh bảo hiểm
số 61/2010/QH12*

- Cơ sở nguồn tiền đóng, mức đóng, tỷ lệ đóng Bảo hiểm xã hội hoàn toàn dựa vào thu nhập từ tiền lương, tiền công của NLĐ. Bảo hiểm xã hội thực hiện các quy định theo chính sách xã hội của Nhà nước trong từng thời kỳ để đảm bảo sự phát triển kinh tế - xã hội, sự ổn định chính trị của quốc gia.
- Bảo hiểm thương mại thực hiện theo cơ chế thị trường và nguyên tắc hạch toán kinh doanh. Quan hệ giữa mức đóng góp và mức hưởng là quan hệ tương đồng thuần túy, tức là ứng với mỗi mức đóng góp bảo hiểm nhất định thì khi xảy ra rủi ro sẽ nhận được một mức quyền lợi tương ứng quy định trước.

2. Những nội dung cơ bản của chính sách Bảo hiểm xã hội

2.1. Bảo hiểm xã hội bắt buộc

1. Bảo hiểm xã hội bắt buộc bao gồm những chế độ sau:

Luật Bảo hiểm xã hội, Điều 4

- Chế độ ốm đau;
- Chế độ Thai sản;
- Chế độ Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;
- Chế độ Hưu trí;
- Chế độ Tử tuất.

2. Mức đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc:*Luật Bảo hiểm xã hội,
Điều 91,92***a) Mức đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất:**

- Từ 2012 – 2013: Hằng tháng, NLĐ đóng bằng 7%, người sử dụng lao động đóng 13% mức tiền lương, tiền công vào quỹ hưu trí và tử tuất; (Tổng số bằng 20%)
- Từ 2014 trở đi: Hằng tháng, NLĐ đóng bằng 8%, người sử dụng lao động đóng 14% mức tiền lương, tiền công vào quỹ hưu trí và tử tuất; (Tổng số bằng 22%)

b) Mức đóng vào quỹ ốm đau, thai sản:

- Hằng tháng, người sử dụng lao động đóng 3% trên quỹ tiền lương, tiền công đóng Bảo hiểm xã hội của NLĐ vào quỹ ốm đau và thai sản;

c) Mức đóng vào quỹ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp:*Luật Bảo hiểm xã hội,
Điều 54*

- Hằng tháng, người sử dụng lao động đóng 1% trên quỹ tiền lương, tiền công đóng Bảo hiểm xã hội của NLĐ vào quỹ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

Như vậy: Tổng mức đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc của cả người sử dụng lao động và NLĐ (vào 3 quỹ như trên) năm 2013 là 24%; từ năm 2014 trở đi là 26%.

3. Tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc:

*Luật Bảo hiểm xã hội
Điều 110, Điều 17 Quyết
định số 1111/Quyết định -
Bảo hiểm xã hội*

- Đối với NLĐ đóng Bảo hiểm xã hội theo chế độ tiền lương do NSDLĐ quyết định thì tiền lương, tiền công tháng đóng Bảo hiểm xã hội là mức tiền lương, tiền công ghi trong hợp đồng lao động.
- Trường hợp mức tiền lương, tiền công cao hơn 20 tháng lương tối thiểu chung thì mức tiền lương, tiền công tháng đóng Bảo hiểm xã hội bằng hai mươi tháng lương tối thiểu chung.

4. Thủ tục tham gia bảo hiểm xã hội lần đầu:

a) Đối với NLĐ:

- Phải căn cứ hồ sơ gốc của mình (quyết định tuyển dụng, quyết định nâng lương hoặc hợp đồng lao động...) kê khai ba bản "Tờ khai tham gia Bảo hiểm xã hội bắt buộc" nộp cho NSDLĐ; trường hợp đã được cấp sổ Bảo hiểm xã hội thì không phải kê khai mà chỉ nộp sổ Bảo hiểm xã hội.

b) Đối với người sử dụng lao động:

- Kiểm tra, đối chiếu Tờ khai tham gia Bảo hiểm xã hội với hồ sơ gốc của từng NLĐ; ký xác nhận và phải chịu trách nhiệm về những nội dung trên Tờ khai của NLĐ.

- Lập hai bản “Danh sách lao động tham gia Bảo hiểm xã hội bắt buộc” và bản sao quyết định thành lập hoặc chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép hoạt động; trường hợp NSDLĐ là cá nhân thì nộp bản hợp đồng lao động.
- Nộp toàn bộ hồ sơ đã nêu ở trên và sổ Bảo hiểm xã hội (nếu có) cho cơ quan Bảo hiểm xã hội.

5. Công việc thường xuyên của người sử dụng lao động tham gia bảo hiểm xã hội:

- Điều chỉnh tăng, giảm lao động hoặc thay đổi căn cứ đóng Bảo hiểm xã hội trong tháng: Lập hai bản “Danh sách điều chỉnh lao động và mức đóng Bảo hiểm xã hội bắt buộc” kèm theo hồ sơ như: Tờ khai, quyết định tuyển dụng, chuyển, nghỉ việc, thôi việc hoặc hợp đồng lao động, quyết định tăng, giảm lương, nộp cho cơ quan Bảo hiểm xã hội.
- Khi NSDLĐ di chuyển từ địa bàn tỉnh này sang địa bàn tỉnh khác, phải xuất trình hồ sơ kèm theo “Danh sách điều chỉnh lao động và mức đóng Bảo hiểm xã hội bắt buộc”; đóng đủ Bảo hiểm xã hội cho NLĐ đến thời điểm di chuyển; cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh nơi đi xác nhận sổ Bảo hiểm xã hội cho NLĐ; NSDLĐ đăng ký tham gia Bảo hiểm xã hội với cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh nơi chuyển đến theo thủ tục tham gia Bảo hiểm xã hội lần đầu.

*Luật Bảo hiểm xã hội,
Điều 16, Quyết định số 1111/
Quyết định - Bảo hiểm xã hội*

- NSDLĐ thay đổi pháp nhân, chuyển quyền sở hữu; sáp nhập hoặc giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan Bảo hiểm xã hội và đóng đủ Bảo hiểm xã hội cho NLĐ đến thời điểm thay đổi. Cơ quan Bảo hiểm xã hội xác nhận sổ Bảo hiểm xã hội cho NLĐ theo nguyên tắc đóng đến thời điểm nào thì xác nhận đến thời điểm đó.

6. Tạm dừng đóng bảo hiểm xã hội:

a) Trường hợp tạm dừng đóng bảo hiểm xã hội vào quỹ hưu trí và tử tuất là:

- Những trường hợp do thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh, mất mùa hoặc lý do bất khả kháng khác mà NSDLĐ buộc phải tạm thời thu hẹp sản xuất, tạm dừng sản xuất kinh doanh, giảm chỗ làm việc.
- NSDLĐ được tạm dừng đóng Bảo hiểm xã hội nếu có một trong các điều kiện sau:
 - + Số lao động thuộc diện tham gia Bảo hiểm xã hội phải tạm thời nghỉ việc chiếm từ 50% trở lên so với tổng số lao động có mặt trước khi tạm dừng sản xuất, kinh doanh.
 - + Bị thiệt hại trên 50% tổng số giá trị tài sản do thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh, mất mùa hoặc lý do bất khả kháng khác gây ra (không kể giá trị tài sản là đất).
- Việc tạm dừng đóng vào quỹ Bảo hiểm xã hội của NSDLĐ được xem xét giải quyết

*Luật Bảo hiểm xã hội, Điều 93
Nghị định số 152/2006/
Nghị định - Chính phủ, Điều 44
Quyết định số 1111/
Quyết định - Bảo hiểm xã hội,
điều 23*

trên cơ sở NSDLĐ có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền quy định tại Nghị định số 152/2006/NĐ-CP.

b) NLĐ nghỉ việc hưởng chế độ ốm đau từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng thì cả NSDLĐ và NLĐ không phải đóng Bảo hiểm xã hội của tháng đó. Thời gian này không được tính là thời gian đóng Bảo hiểm xã hội.

c) Thời gian NLĐ nghỉ việc hưởng chế độ thai sản được tính là thời gian đóng Bảo hiểm xã hội. Thời gian này NLĐ và NSDLĐ không phải đóng Bảo hiểm xã hội.

7. Những trường hợp NSDLĐ phải đóng tiền lãi do chưa đóng, chậm đóng Bảo hiểm xã hội:

- Không đóng, đóng không đúng thời gian quy định, đóng không đúng mức quy định, đóng không đủ số người thuộc diện tham gia Bảo hiểm xã hội; ngoài việc phải đóng số tiền chưa đóng, chậm đóng và bị xử lý theo quy định của pháp luật, còn phải đóng số tiền lãi do chưa đóng, chậm đóng.

Lãi suất tính: theo tỷ lệ (%) lãi suất của hoạt động đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội trong năm.

2.1.1 Chế độ ốm đau

Điều kiện hưởng chế độ ốm đau:

- Bị ốm đau, tai nạn rủi ro phải nghỉ việc và có xác nhận của cơ sở y tế.

*Luật Bảo hiểm xã hội, Điều 93
Nghị định số 152/2006/
Nghị định - Chính phủ, Điều 44
Quyết định số 1111/
Quyết định - Bảo hiểm xã hội,
điều 23*

*Luật Bảo hiểm xã hội,
Điều 138, Các Điều 24, 56, 57
quyết định số 1111/
Quyết định - Bảo hiểm xã hội*

*Luật Bảo hiểm xã hội,
Điều 22*

- Trường hợp ốm đau, tai nạn phải nghỉ việc do tự hủy hoại sức khỏe, do say rượu hoặc sử dụng ma túy, chất gây nghiện khác thì không được hưởng chế độ ốm đau.
- Con dưới bảy tuổi bị ốm đau, phải nghỉ việc để chăm sóc con và có xác nhận của cơ sở y tế.

2.1.2. Chế độ thai sản

Điều kiện để được hưởng chế độ thai sản:

*Luật Bảo hiểm xã hội,
Điều 28*

Lao động nữ mang thai;

Lao động nữ sinh con;

NLĐ nhận nuôi con nuôi dưới bốn tháng tuổi;

NLĐ đặt vòng tránh thai, thực hiện các biện pháp triệt sản.

Lao động nữ sinh con và NLĐ nhận nuôi con nuôi dưới bốn tháng tuổi phải có thời gian đóng Bảo hiểm xã hội từ đủ 6 tháng trở lên trong thời gian 12 tháng trước khi sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi.

Mức hưởng chế độ thai sản:

Mức hưởng bằng 100% mức bình quân tiền lương, tiền công tháng đóng Bảo hiểm xã hội của 6 tháng liền kề trước khi nghỉ việc đối với lao động nữ nghỉ việc để đi khám thai, khi sảy thai, nạo, hút thai hoặc thai chết lưu; khi sinh con; khi thực hiện các biện pháp tránh thai.

- Lao động nữ khi sinh con được trợ cấp một lần bằng hai tháng lương tối thiểu chung cho mỗi con.

Hồ sơ giải quyết hưởng chế độ khi lao động nữ sinh con:

- Sổ Bảo hiểm xã hội của NLĐ thể hiện đã đóng Bảo hiểm xã hội từ đủ 6 tháng trở lên trong thời gian 12 tháng trước khi sinh con;
- Bản sao giấy chứng sinh hoặc bản sao giấy khai sinh của con.

*Luật Bảo hiểm xã hội,
Điều 113*

*Nghị định số 152/2006/
Nghị định - Chính phủ,
Điều 53*

2.1.3. Chế độ tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp

Điều kiện hưởng chế độ tai nạn lao động:

- Bị tai nạn thuộc một trong các trường hợp sau:
 - + Tại nơi làm việc và trong giờ làm việc;
 - + Ngoài nơi làm việc hoặc ngoài giờ làm việc khi thực hiện công việc theo yêu cầu của NSDLĐ;
 - + Trên tuyến đường đi và về từ nơi ở đến nơi làm việc trong khoảng thời gian và tuyến đường hợp lý;
- Suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên do bị tai nạn trong các trường hợp nêu trên.

*Luật Bảo hiểm xã hội,
Điều 39*

*Nghị định số 152/2006/
Nghị định - Chính phủ,
Điều 19*

Điều kiện hưởng chế độ bệnh nghề nghiệp:

- Bị bệnh thuộc danh mục bệnh nghề nghiệp do Bộ Y tế và Bộ Lao động-Thương binh và Xã

hội quy định khi làm việc trong môi trường hoặc nghề có yếu tố độc hại.

- Suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên do bị bệnh quy định tại danh mục thêm 1% được hưởng thêm 2% mức lương tối thiểu chung. Ngoài mức trợ cấp trên còn được hưởng thêm trợ cấp tính theo số năm đã đóng bảo hiểm xã hội, từ một năm trở xuống thì được tính bằng 0,5%, sau đó cứ thêm mỗi năm đóng bảo hiểm xã hội được tính thêm 0,3% mức tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm xã hội của tháng liền kề trước khi nghỉ việc.

Hồ sơ để giải quyết hưởng chế độ tai nạn lao động:

- Sổ bảo hiểm xã hội của NLĐ đã xác định đóng bảo hiểm xã hội đến tháng trước khi bị tai nạn lao động;
- Văn bản đề nghị giải quyết chế độ tai nạn lao động của NSDLĐ;
- Biên bản điều tra tai nạn lao động.
- Trường hợp bị tai nạn giao thông được xác định là tai nạn lao động thì có thêm bản sao biên bản tai nạn giao thông. Ngoài ra nếu bị tai nạn giao thông trên tuyến đường thường xuyên đi và về từ nơi ở đến nơi làm việc và ngược lại có thêm bản sao hộ khẩu thường trú hoặc giấy đăng ký tạm trú.

Giấy ra viện sau khi đã điều trị thương tật tai nạn lao động ổn định;

*Luật Bảo hiểm xã hội,
Điều 42
Nghị định số 152/2006/
Nghị định - Chính phủ,
Điều 21*

2.1.4. Chế độ Hưu trí**Điều kiện hưởng lương hưu:**

- Nam đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên.
- NLĐ có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, NLĐ làm công tác quản lý và một số trường hợp đặc biệt khác có thể nghỉ hưu ở tuổi cao hơn nhưng không quá 05 năm so với quy định.

*Luật Bảo hiểm xã hội,
Điều 114*

Mức lương hưu hằng tháng:

- Mức lương hưu hằng tháng được tính bằng 45% mức bình quân tiền lương, tiền công tháng đóng BHXH, tương ứng với 15 năm đóng BHXH; sau đó cứ thêm mỗi năm đóng BHXH thì tính thêm 2% đối với nam, 3% đối với nữ; mức tối đa bằng 75%.
- Đối với NLĐ hưởng lương hưu khi suy giảm khả năng lao động thì cứ mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi quy định thì giảm 1%.
- Mức lương hưu hằng tháng thấp nhất bằng mức lương tối thiểu chung.

Hồ sơ để giải quyết hưởng chế độ hưu trí hằng tháng:

- Sổ bảo hiểm xã hội của NLĐ đã xác định thời gian đóng bảo hiểm xã hội đến tháng nghỉ việc;
- Quyết định nghỉ việc của NSDLĐ hoặc văn bản chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng lao động hết hạn;

- Biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động của Hội đồng Giám định y khoa (đối với người nghỉ việc hưởng lương hưu do suy giảm khả năng lao động);

2.1.5. Chế độ Tử tuất

Đối tượng, mức hưởng trợ cấp tuất hằng tháng:

*Bộ Luật Lao động,
Điều 187*

a) Đối tượng:

- NLĐ đã đóng bảo hiểm xã hội đủ 15 năm trở lên nhưng chưa hưởng bảo hiểm xã hội một lần;
- Người đang hưởng lương hưu;
- NLĐ chết do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (kể cả chết trong thời gian điều trị lần đầu);
- Người đang hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hằng tháng với mức suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên.

b) Mức hưởng:

- Mức trợ cấp tuất hằng tháng đối với mỗi thân nhân bằng 50% mức lương tối thiểu chung; trường hợp thân nhân không có người trực tiếp nuôi dưỡng thì mức trợ cấp tuất hằng tháng bằng 70% mức lương tối thiểu chung.
- Trường hợp có từ hai người chết trở lên thì thân nhân của những người này được hưởng hai lần mức trợ cấp nêu trên.

*Luật Bảo hiểm xã hội,
Điều 58
Nghị định số 152/2006/
Nghị định - Chính phủ,
Điều 28*

- Số thân nhân được hưởng trợ cấp tuất hàng tháng không quá 4 người.

2.2..Bảo hiểm xã hội tự nguyện

Mức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện:

- Mức đóng hằng tháng bằng tỷ lệ phần trăm đóng Bảo hiểm xã hội tự nguyện nhân với mức thu nhập tháng mà người tham gia Bảo hiểm xã hội tự nguyện lựa chọn.
- Tỷ lệ phần trăm đóng Bảo hiểm xã hội tự nguyện được quy định như sau:
 - + Từ tháng 1 năm 2012 đến tháng 12 năm 2013 bằng 20%;
 - + Từ tháng 1 năm 2014 trở đi bằng 22%.
- Mức thu nhập tháng người tham gia bảo Bảo hiểm xã hội tự nguyện lựa chọn làm cơ sở để tính mức đóng hằng tháng được thay đổi tùy theo khả năng của NLĐ ở từng thời kỳ, nhưng thấp nhất bằng mức lương tối thiểu chung và cao nhất bằng 20 tháng lương tối thiểu chung.

Phương thức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện:

- Có thể đăng ký đóng theo một trong ba phương thức sau:
 - Hằng tháng;
 - Hằng quý;
 - Sáu tháng một lần.

*Luật Bảo hiểm xã hội,
Điều 64, 65*

Các chế độ khi tham gia Bảo hiểm xã hội tự nguyện:

- Chế độ Hưu trí
- Chế độ Tử tuất.

*Luật Bảo hiểm xã hội,
Điều 100*

Điều kiện hưởng lương hưu của bảo hiểm xã hội tự nguyện:

- Nam đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 năm tuổi;
- Đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên.
- Trường hợp nam đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi nhưng thời gian đóng bảo hiểm xã hội còn thiếu không quá 5 năm so với thời gian quy định có nhu cầu tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện thì được đóng tiếp cho đến khi đủ hai mươi năm đóng bảo hiểm xã hội.
- Thời gian tính hưởng chế độ hưu trí được cộng dồn, kể cả trường hợp bị gián đoạn hoặc tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc và tự nguyện xen kẽ nhau.

*Luật Bảo hiểm xã hội,
Điều 100*

2.3. Bảo hiểm thất nghiệp***Mức đóng và phương thức đóng bảo hiểm thất nghiệp:***

- NLĐ đóng bằng 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp.
- NSDLĐ đóng bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của những NLĐ tham gia bảo hiểm thất nghiệp.

*Luật Bảo hiểm xã hội,
Điều 4*

- Hằng tháng, Nhà nước hỗ trợ từ ngân sách bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của những NLĐ tham gia bảo hiểm thất nghiệp và mỗi năm chuyển một lần.

Điều kiện hưởng bảo hiểm thất nghiệp:

- Đã đóng bảo hiểm thất nghiệp đủ 12 tháng trở lên trong thời gian 24 tháng trước khi thất nghiệp;
- Đã đăng ký thất nghiệp;
- Chưa tìm được việc làm sau 15 ngày kể từ ngày đăng ký thất nghiệp.

Các chế độ của bảo hiểm thất nghiệp:

- Được hưởng trợ cấp thất nghiệp
- Được hỗ trợ học nghề.
- Được hỗ trợ tìm việc làm.
- Được cấp thẻ bảo hiểm y tế.

Mức hưởng và thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp:

- Mức trợ cấp thất nghiệp hằng tháng bằng 60% mức bình quân tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của sáu tháng liền kề trước khi thất nghiệp.
- Thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp:
+ 3 tháng, nếu có từ đủ 12 tháng đến dưới 36 tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp;

*Luật Bảo hiểm xã hội,
Điều 70*

*Luật Bảo hiểm xã hội,
Điều 102
Nghị định số 127/2008/
Nghị định - Chính phủ,
Điều 25,26*

*Luật Bảo hiểm xã hội,
Điều 81
Nghị định số 127/2008/
Nghị định - Chính phủ,
Điều 15*

- + 6 tháng, nếu có từ đủ 36 tháng đến dưới 72 tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp;
 - + 9 tháng, nếu có từ đủ 72 tháng đến dưới 144 tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp;
 - + 12 tháng, nếu có từ đủ 144 tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp trở lên.
- Trường hợp người đang hưởng trợ cấp thất nghiệp chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp vì có việc làm hoặc thực hiện nghĩa vụ quân sự sẽ được hưởng khoản trợ cấp một lần bằng giá trị còn lại của trợ cấp thất nghiệp theo quy định.

*Lưu ý Bảo hiểm xã hội,
Điều 82, 83, 84, 85*

*Nghị định số 127/2008/
Nghị định - Chính phủ,
Điều 16, 17, 18, 19*